

HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH VI MÔ HỖ TRỢ PHỤ NỮ GIẢM NGHÈO TẠI VIỆT NAM: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

Trần Thị Minh Hương

Viện Quản trị Kinh doanh - Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: ttmhuong@bsneu.edu.vn

Ngày nhận: 01/11/2019

Ngày nhận bản sửa: 18/12/2019

Ngày duyệt đăng: 05/01/2020

Tóm tắt:

Tài chính vi mô là một công cụ hữu hiệu đóng vai trò quan trọng trong công cuộc xóa đói giảm nghèo tại Việt Nam. Bài viết đề cập đến thực trạng hoạt động tài chính vi mô hỗ trợ phụ nữ giảm nghèo tại Việt Nam. Trên cơ sở đó phân tích các cơ hội và thách thức đối với tài chính vi mô cho đối tượng phụ nữ nghèo đồng thời đưa ra một số đề xuất với Nhà Nước, các tổ chức tài chính vi mô nhằm khai thác được các cơ hội và vượt qua những thách thức to lớn này, từ đó góp phần phát triển ngành tài chính vi mô Việt Nam và hỗ trợ phụ nữ nghèo trong thời gian tới.

Từ khóa: Tài chính vi mô Việt Nam, cơ hội, thách thức, phụ nữ nghèo.

Mã JEL: G21

Microfinance helps women to reduce poverty in viet nam: opportunities and challenges

Abstract:

Microfinance is an effective tool which plays an important role in the poverty reduction in Viet Nam. The article not only mentions the situation of microfinance which helps the women to reduce poverty in Viet Nam but also analyses the opportunities and challenges for this microfinance. In addition, the article suggests some recommendations to the government and the finance institutions to exploit opportunities and overcome challenges in order to develop Vietnamese microfinance and help the women to reduce poverty in the future.

Keywords: Vietnamese microfinance, opportunities, challenges, poor women.

JEL code: G21

1. Giới thiệu

Trong hầu hết các quốc gia trên thế giới đều tồn tại tình trạng nghèo đói của một bộ phận dân cư. Nghèo là tình trạng bị thiếu thốn ở nhiều phương diện: thu nhập hạn chế, hoặc thiếu cơ hội tạo ra thu nhập, thiếu tài sản để đảm bảo tiêu dùng trong những lúc khó khăn, và dễ bị tổn thương trước những đột biến bất lợi, ít có khả năng truyền đạt nhu cầu và khó khăn tới những người có khả năng giải quyết, cảm giác bị xỉ nhục, không được người khác tôn trọng (World Bank, 2013). Để khắc phục tình trạng này cần phải có vốn, nhưng trên thực tế người nghèo

không phải đối tượng khách hàng được quan tâm của các ngân hàng thương mại. Trong hoàn cảnh này, tài chính vi mô là một công cụ hữu hiệu nhằm giảm thiểu tình trạng đói nghèo, giúp người nghèo có thể thoát khỏi tình trạng thiếu thốn, trong đó phụ nữ là một đối tượng quan trọng. Ở Việt Nam hiện nay, phát triển hoạt động tài chính được coi như một giải pháp quan trọng trong công cuộc xóa đói giảm nghèo, đặc biệt là đối với đối tượng phụ nữ.

2. Lý luận về tài chính vi mô và thực trạng hoạt động tài chính vi mô hỗ trợ phụ nữ giảm nghèo tại Việt Nam

2.1. Khái niệm tài chính vi mô

Tài chính vi mô là việc cung cấp một phạm vi rộng các dịch vụ tài chính như tiền gửi, tài khoản tiết kiệm, thanh toán, bảo hiểm, chuyển tiền cho người nghèo hoặc các hộ gia đình có thu nhập thấp, cho những hoạt động kinh doanh cá thể hoặc các doanh nghiệp rất nhỏ (ADB, 2014).

2.2. Đặc điểm của tài chính vi mô

- Đối tượng khách hàng cơ bản của tài chính vi mô là người nghèo – những người không có tài sản giá trị do vậy những khách hàng này thường không có tài sản thế chấp (nếu cho vay theo kiểu truyền thống, đối tượng khách hàng này không thể tham gia). Đặc điểm này dẫn đến rủi ro tín dụng tăng cao;

- Các khoản cho vay của tài chính vi mô thường có quy mô nhỏ. Đặc điểm này cũng bắt nguồn từ việc đối tượng khách hàng là người nghèo, họ chỉ có khả năng đi vay và sử dụng những khoản vay nhỏ;

- Chi phí của hoạt động tài chính vi mô bị tăng cao. Đặc điểm này bắt nguồn từ đặc điểm thứ hai nêu trên, do chi phí quản lý nhiều khoản vay nhỏ sẽ lớn hơn chi phí quản lý một số ít khoản vay lớn;

- Phương thức cho vay thường theo tổ, nhóm. Đối với một số tổ chức tài chính vi mô, phương thức cho vay này được áp dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng, trong đó các cá nhân muốn được vay vốn thì cần phải tham gia vào một nhóm nào đó trong cộng đồng. Các thành viên trong nhóm sẽ cam kết bảo lãnh cho nhau trong quá trình vay vốn.

2.3. Vai trò của tài chính vi mô

Vai trò của tài chính vi mô được thể hiện trên cả hai khía cạnh kinh tế và xã hội.

Về khía cạnh kinh tế, tài chính vi mô thực hiện chức năng tài chính, huy động vốn và cho vay, là trung gian giữa người cho vay và người đi vay, bên cạnh đó thực hiện các dịch vụ như thanh toán, bảo hiểm... cho đối tượng có thu nhập thấp, tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của đối tượng này.

Về khía cạnh xã hội, tài chính vi mô là công cụ hữu hiệu của công cuộc xóa đói giảm nghèo, tạo điều kiện cho người có thu nhập thấp tiếp cận được với các dịch vụ tài chính từ đó giúp họ tăng năng lực đồng thời khuyến khích họ có động lực tự phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, tránh tâm lý ỷ lại, trông chờ vào các chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

Đặc biệt, đối với phụ nữ nghèo, tài chính vi mô sẽ giúp nâng cao vị thế của họ. Khi tham gia chương

trình của tổ chức tài chính vi mô, phụ nữ sẽ được trực tiếp quản lý tiền đồng thời tiếp cận với tri thức, kiến thức được nâng cao. Điều này khiến cho họ có quyền nhiều hơn trong các vấn đề của gia đình và xã hội, trên thực tế họ đã được tham gia ra quyết định trong các vấn đề kinh tế và đời sống. Từ đó họ đã đóng góp đáng kể vào tài chính gia đình, giúp họ dành thêm sự tôn trọng từ gia đình, họ hàng và tránh được các mâu thuẫn về kinh tế trong gia đình. Do đó cũng có thể nói, việc tham gia vào các chương trình tài chính vi mô giúp phụ nữ nghèo có thể gia tăng lòng tự trọng và ý thức về giá trị của bản thân

2.4. Thực trạng hoạt động tài chính vi mô và hỗ trợ đối với phụ nữ giảm nghèo tại Việt Nam

Năm 1986, chính sách quốc gia nhằm xóa đói giảm nghèo thông qua biện pháp thúc đẩy các hoạt động sản xuất của đối tượng người nghèo đã được Chính phủ quyết định thực hiện. Bên cạnh đó, với sự hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ (Non Government Organizations), các chương trình hỗ trợ phát triển chính thức song phương và đa phương, các tổ chức đoàn thể và chính quyền địa phương, các chương trình tài chính vi mô đã được hình thành với mục đích giảm nghèo cho đối tượng phụ nữ, trẻ em... Cho đến nay ở Việt Nam đã có 4 tổ chức tài chính vi mô chính thức được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, bao gồm: tổ chức tài chính vi mô trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tình Thương (TYM), tổ chức tài chính vi mô trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên M7(M7-MF1), tổ chức tài chính vi mô trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên Thanh Hóa (Thanh Hóa MF1) và tổ chức tài chính vi mô trách nhiệm hữu hạn một thành viên cho người lao động nghèo tự tạo việc làm (CEP). Ngoài ra, có các tổ chức tín dụng khác cũng cung cấp dịch vụ tài chính vi mô tại Việt Nam như Ngân hàng Chính sách xã hội và hệ thống quỹ tín dụng nhân dân. Bên cạnh đó có các tổ chức tài chính vi mô bán chính thức gồm khoảng 350 quỹ xã hội, chương trình, dự án hoạt động trên khắp cả nước (Nguyễn Kim Anh, 2018). Hiện nay Chính phủ cũng đã giành sự quan tâm lớn hơn đến hoạt động tài chính vi mô. Hiện tại Ngân hàng Nhà nước (2018) đã có quy định cụ thể về cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô.

Các tổ chức tài chính vi mô cũng đạt được kết quả ngày càng lớn trong hoạt động của mình. Năm 2017 riêng Ngân hàng Chính sách xã hội đã thực hiện cho vay 2.120 ngàn lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo và các

Bảng 1: Số liệu tài chính của 4 tổ chức tài chính vi mô được Ngân hàng Nhà nước cấp phép

Đơn vị tính: tỷ VND

	Dư nợ cho vay				Dư nợ tiết kiệm			
	2014	2015	2016	2017	2014	2015	2016	2017
Thanh Hóa MF1	104	153	216	294,7	51	71	145	215
TYM	757	858	1035	1221,3	402	560	683	813,5
M7-MF1	112	135	135	152,5	79	106	118	147
CEP	1824	2398	2761	3036,5	711	880	1017	1554,5
Tổng cộng	2797	3544	4147	4705	1243	1617	1963	2730

Nguồn: Đặng Thu Thủy (2018) & Phan Thị Hồng Thảo (2019).

đối tượng chính sách khác, với doanh số cho vay đạt 55.956 tỷ VND, tăng 806 tỷ VND so với năm 2016 (Thụy Lê, 2018). Bốn tổ chức tài chính vi mô được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép cũng đạt được kết quả rất khả quan. Năm 2017, tổng dư nợ tiết kiệm của 4 tổ chức tài chính vi mô này đạt 4705 tỷ VND, tăng 68% so với cùng kỳ năm 2014. Tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay và dư nợ tiết kiệm của 4 tổ chức luôn duy trì tăng theo mỗi năm, số liệu được thể hiện trong Bảng 1 (Đặng Thu Thủy, 2018; Phan Thị Hồng Thảo, 2019).

Với vai trò là một công cụ đặc lực, tài chính vi mô đã giúp Chính phủ đạt được thành tích đáng kể trong công cuộc xóa đói giảm nghèo. Tỷ lệ đói nghèo tại Việt Nam đã giảm từ 58% năm 1993 xuống chỉ còn khoảng 6,72% vào cuối năm 2017. Hoạt động tài chính vi mô được đánh giá là có ý nghĩa xã hội sâu sắc và ngày càng lớn mạnh, giúp cho người nghèo có cơ hội tiếp cận và làm quen với các sản phẩm tài chính. Trong khi đó, tỷ lệ nợ xấu ở khu vực tài chính vi mô là khá thấp (dưới 1%), còn các khoản vay giá trị thấp cũng giúp các tổ chức cung cấp tài chính vi mô phân tán rủi ro hiệu quả hơn (Thụy Lê, 2018).

Trong công cuộc xóa đói giảm nghèo này, tài chính vi mô đã đặc biệt hỗ trợ được đối tượng phụ nữ. Trong lượng khách hàng tăng nhanh của các tổ chức tài chính vi mô được cấp phép, tỷ lệ khách hàng nữ chiếm tỷ trọng cao, thậm chí đối với tổ chức TYM tỷ lệ khách hàng nữ chiếm 100%. Tại Việt Nam, phụ nữ nghèo được cho là nhóm đối tượng khách hàng mục tiêu mà các tổ chức tài chính vi mô hướng tới. Thực trạng này được thể hiện trong Bảng 2 (Đặng Thu Thủy, 2018).

Tài chính vi mô cũng đã có những bước phát triển đáng kể với đối tượng là phụ nữ nghèo. Hiện nay, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam đang có chiến lược phát triển tài chính vi mô, đây là một trong những thế mạnh đồng thời cũng là trách nhiệm của Hội nhằm vừa hỗ trợ tài chính cho phụ nữ ở cộng đồng, vừa mang lại tính bền vững cho Hội. Trong đó mô hình bảo hiểm tài chính vi mô là hướng đi của Hội trong thời gian tới. Tổ chức tài chính Vi mô Tinh thương (TYM) của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã phát huy hiệu quả trong công tác xóa đói giảm nghèo cho phụ nữ nông thôn suốt hơn 20 năm qua, giúp phụ nữ nghèo làm chủ hộ từ đó giúp phụ nữ yếu thế không chỉ tự tin vươn lên thoát nghèo mà còn nâng cao vị thế của mình trong gia đình và xã hội. Kết quả hỗ trợ phụ nữ giảm nghèo được thể hiện trong Bảng 3 (Nguyễn Thị Hồng Miên, 2018).

Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam cũng là tổ chức chính trị - xã hội tham gia quản lý dư nợ ủy thác lớn nhất từ Ngân hàng Chính sách Xã hội với 61.406 tỷ VND, chiếm 39,54%, giúp phụ nữ nghèo có cơ hội tiếp cận trực tiếp với nguồn vốn vay thuận lợi (Việt Phong & Phương Chi, 2017). Bên cạnh đó, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam cũng đã phát triển hợp tác với các tổ chức trong nước và quốc tế nhằm cung cấp các chương trình tài chính vi mô một cách hiệu quả. Ngày 5/3/2018, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Quỹ hợp tác quốc tế các ngân hàng Tiết kiệm Đức, Trung tâm Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Philippine (CARD) đã tổ chức ký kết dự án “Hợp tác ngân hàng tiết kiệm nhằm phát triển mạng lưới tài chính vi mô tại Việt Nam, Lào và Myanmar” giai đoạn 2018-2021. Đây là dự án góp phần xóa

**Bảng 2: Tỷ lệ khách hàng nữ tại 4 tổ chức tài chính vi mô
được Ngân hàng Nhà nước cấp phép**

Chỉ tiêu	TYM	M7-MF1	Thanh Hóa MF1	CEP	Tổng cộng
Số lượng khách hàng vay (người)					
Năm 2014	104.377	11.567	17.676	260.810	394.430
Năm 2015	112.694	11.937	17.153	288.490	430.274
Năm 2016	98.424	10.937	19.224	309.949	438.534
Tỷ lệ khách hàng nữ (%)					
Năm 2014	100%	94%	97%	75%	
Năm 2015	100%	93%	97%	74%	
Năm 2016	100%	93%	94%	75%	

Nguồn: Đặng Thu Thủy (2018).

đổi giảm nghèo và phát triển kinh tế thông qua việc cung cấp các dịch vụ tài chính cho các hộ nghèo, hộ có thu nhập thấp và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp (Nam Khánh, 2018).

3. Cơ hội và thách thức trong phát triển hoạt động tài chính vi mô hỗ trợ phụ nữ giảm nghèo tại Việt Nam

3.1. Cơ hội trong phát triển hoạt động tài chính vi mô hỗ trợ phụ nữ giảm nghèo tại Việt Nam

Thứ nhất, hoạt động tài chính vi mô nhận được sự quan tâm hỗ trợ của Chính phủ. Trên quan điểm coi tài chính vi mô là một công cụ hữu hiệu của chiến lược xóa đói giảm nghèo, tài chính vi mô nhận được sự quan tâm lớn của Chính phủ. Thủ tướng Chính phủ (2011) đã ký quyết định phê duyệt “Đề án xây dựng và phát triển hệ thống tài chính vi mô tại Việt Nam đến năm 2020” với các giải pháp trọng tâm về xây dựng môi trường pháp lý phù hợp với đặc thù của hoạt động tài chính vi mô, nâng cao năng lực hoạch định chính sách và quản lý của cơ quan quản lý nhà nước, nâng cao năng lực của các tổ chức tài chính vi mô, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tài chính vi mô, ... đã cho thấy sự quan tâm, nhìn nhận của Đảng, Chính phủ đối với vai trò của hoạt động tài chính vi mô tại Việt Nam. Trên thực tế, Chính phủ đã nghiên cứu, ban hành các văn bản nghị định quy định về hoạt động này, đồng thời giao cho các cơ quan có liên quan như Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước nghiên cứu, ban hành các văn bản quy định cụ thể,

tạo điều kiện phát triển tài chính vi mô. Đồng thời, Chính phủ cũng có những chính sách trợ giúp cho hoạt động này phát triển. Ngân hàng Chính sách Xã hội là một tổ chức cung cấp tài chính vi mô có quy mô lớn, được Nhà nước thành lập để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Ngân hàng này được xem là một ngân hàng phi lợi nhuận do mục đích hoạt động hỗ trợ người nghèo nên ngân hàng không áp dụng lãi suất cho vay như các ngân hàng thương mại cổ phần khác, không lấy mục đích kinh doanh có lời làm mục tiêu hoạt động. Ngân hàng Chính sách Xã hội nhận được nguồn trợ cấp lớn từ Nhà Nước, được ngân hàng Nhà nước Việt Nam bảo đảm khả năng thanh toán, đồng thời được miễn giảm thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước. Phần vốn còn lại chủ yếu đến từ ngân sách, vốn vay và phát hành trái phiếu ngân hàng được Chính phủ bảo lãnh.

Thứ hai, hành lang pháp lý cho hoạt động tài chính vi mô đã được thành lập và đang dần hoàn thiện. Điều này được đánh dấu từ việc Chính phủ (2005) ban hành nghị định về tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô tại Việt Nam. Sau đó, khung pháp lý cho hoạt động tài chính vi mô ngày càng được hoàn thiện dần khi Quốc hội (2010) ban hành Luật các tổ chức tín dụng đã công nhận các tổ chức tài chính vi mô là một loại hình trong hệ thống tổ chức tín dụng chính thức. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước (2008) đã hướng dẫn cụ thể các quy định về tổ chức và hoạt động của các tổ chức tài

Bảng 3: Kết quả tài chính vi mô hỗ trợ phụ nữ giảm nghèo trong giai đoạn 2007-2017

(Đơn vị tính: ngàn hộ)

Chỉ tiêu	Giai đoạn 2007-2011	Giai đoạn 2012-2017
Số lượt hộ nghèo do phụ nữ làm chủ được hỗ trợ (lượt hộ)	2.700	2.400
Số hộ thoát nghèo (hộ)	450	410

Nguồn: Nguyễn Thị Hồng Miên, 2018.

chính vi mô. Tiếp theo, các quy định trên được Ngân hàng Nhà nước (2018) điều chỉnh cho sát với tình hình thực tế phát sinh.

Thứ ba, là nước đi sau trong phát triển tài chính vi mô, Việt Nam có thể học tập được nhiều kinh nghiệm từ các nước đi trước trong lĩnh vực này, đồng thời cũng nhận được nhiều sự trợ giúp kỹ thuật quốc tế. Kể từ năm 2013, Cơ quan Phát triển Pháp AFD (Agence Française de Développement) của Pháp đã hỗ trợ phát triển lĩnh vực tài chính vi mô bền vững tại Việt Nam thông qua một hỗ trợ kỹ thuật trị giá một triệu euro dành cho Ngân hàng Nhà nước. Hỗ trợ kỹ thuật này cho phép phát triển khung pháp lý và giám sát lĩnh vực tài chính vi mô với mục đích tạo một môi trường ổn định và thuận lợi cho các thể chế tài chính (Đại sứ quán Pháp, 2018). Năm 2014, Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) cũng đã tiến hành thực hiện dự án “Chương trình phát triển tài chính vi mô” tại Việt Nam với phần hỗ trợ kỹ thuật có giá trị 500.000 USD (ADB, 2018).

Thứ tư, riêng với đối tượng là phụ nữ nghèo, tài chính vi mô có cơ hội phát triển lớn hơn nhờ sự trợ giúp của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam luôn chủ động tích cực trong việc giúp phụ nữ xóa đói giảm nghèo thông qua phát triển sản xuất kinh doanh, trong đó tài chính vi mô là một công cụ hữu hiệu. Năm 1992, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã thành lập tổ chức tài chính vi mô Tỉnh Thương, trải qua 26 năm phát triển và trưởng thành, tổ chức này đã giúp đỡ hàng nghìn chị em phụ nữ thoát nghèo bền vững, vươn lên làm giàu, góp phần tích cực vào công cuộc xóa đói giảm nghèo của đất nước. Năm 2017 Tỉnh Thương đã huy động được hơn 800 tỷ VND tiết kiệm từ thành viên và khách hàng (TYM, 2018). Bên cạnh đó, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam còn là tổ chức tham gia quản lý dư nợ ứ thác lớn nhất từ Ngân hàng Chính sách Xã hội là đơn vị cung cấp dịch vụ tài chính vi mô có quy mô lớn nhất hiện nay ở Việt Nam. Ngoài ra,

Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam còn hợp tác với các tổ chức quốc tế nhằm cung cấp các chương trình tài chính vi mô cho phụ nữ nghèo một cách hiệu quả.

Thứ năm, với đối tượng khách hàng là phụ nữ nghèo, tài chính vi mô có điều kiện phát triển thuận lợi hơn nhờ đặc tính của nhóm khách hàng này. Trên thực tế, nhóm khách hàng là phụ nữ vay vốn được đánh giá là có tỷ lệ hoàn trả các khoản vay cao hơn so với khách hàng nam giới. Theo số liệu báo cáo của tổ chức tài chính vi mô Tỉnh Thương với tỷ lệ khách hàng nữ chiếm đến 100% thì cho đến nay, Tỉnh Thương vẫn đảm bảo được tỷ lệ hoàn trả lên tới 99,99% (TYM, 2018). Điều này được lý giải là do khách hàng phụ nữ ngay từ khi bắt đầu tiến hành hoạt động kinh doanh đã có suy nghĩ, tính toán và có bước đi cẩn trọng hơn cùng với đặc tính tiết kiệm, cẩn thận của phụ nữ.

3.2. Thách thức trong phát triển hoạt động tài chính vi mô hỗ trợ phụ nữ giảm nghèo tại Việt Nam

Thứ nhất là thách thức về nguồn vốn. Với các tổ chức tài chính vi mô chính thức, nguồn thu từ huy động cũng chưa đáp ứng được nhu cầu cho vay. Như tại Ngân hàng Chính sách Xã hội, khoản tiền gửi huy động của ngân hàng chỉ có thể đáp ứng 5% nhu cầu cho vay nên vẫn còn phụ thuộc nhiều vào ngân sách hoặc vốn huy động Nhà nước. Đồng thời, khả năng huy động vốn từ thị trường thứ cấp (giữa các tổ chức tín dụng với nhau) và từ Ngân hàng Nhà nước của các tổ chức tài chính vi mô được thành lập vẫn rất hạn chế (Lienvietpostbank, 2018). Với các tổ chức tài chính vi mô bán chính thức, nguồn vốn tài trợ không hoàn lại từ các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi chính phủ đang có xu hướng giảm dần, đặc biệt là sau năm 2010, Việt Nam trở thành quốc gia có thu nhập trung bình. Việc tài trợ dưới hình thức cấp vốn không hoàn lại không được khuyến khích và chủ yếu chỉ kèm theo các khoản vay nhằm hỗ trợ nâng cao năng lực cho chính tổ chức tài chính vi mô. Xu hướng hiện tại của các nhà tài trợ là khuyến

khích các tổ chức tài chính vi mô hoạt động theo hướng bền vững, thu đủ bù chi do vậy tăng cường cấp vốn dưới các hình thức thương mại như cho vay, bảo lãnh vay đối với các tổ chức tài chính vi mô trên cơ sở đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức này.

Thứ hai là thách thức về chi phí cao. Do đối tượng của tài chính vi mô là người có thu nhập thấp nên các khoản cho vay có quy mô nhỏ. Với tổng giá trị dư nợ cho vay ngang nhau, chi phí quản lý nhiều khoản cho vay nhỏ sẽ lớn hơn chi phí quản lý một số ít khoản cho vay lớn. Tương tự như vậy với nguồn vốn huy động từ tiết kiệm của người có thu nhập thấp thường là có quy mô nhỏ cũng dẫn đến chi phí của các tổ chức tài chính vi mô bị tăng cao. Đây là một thách thức lớn đối với các tổ chức tài chính vi mô để có thể tồn tại trong bối cảnh các khoản tài trợ giảm dần, phải hoạt động bền vững trên cơ sở thu đủ bù chi.

Thứ ba là năng lực của nhiều tổ chức tài chính vi mô vẫn còn hạn chế, đặc biệt là các tổ chức thuộc nhóm bán chính thức. Quy mô hoạt động của các tổ chức còn hạn chế, sản phẩm dịch vụ tài chính chưa đa dạng, chất lượng dịch vụ chưa cao. Bên cạnh đó, năng lực quản trị rủi ro và công bố thông tin của các tổ chức tài chính vi mô còn rất khiêm tốn. Sự phối hợp trong hoạt động giữa các tổ chức tài chính vi mô trong nước cũng như phối hợp với ngành tài chính vi mô quốc tế còn hạn chế. Nhiều dự án tài chính vi mô có cán bộ kiêm nhiệm không có tính chuyên nghiệp. Một số tổ chức do thiếu thông tin, thiếu kỹ năng quản trị điều hành, quản lý tài chính yếu kém đã không thể tiếp tục hoạt động được sau khi nhà tài trợ rút khỏi chương trình, bàn giao cho địa phương tự quản lý.

Thứ tư, do đặc thù của hoạt động tài chính vi mô là nhỏ lẻ, nằm cả ở những địa bàn xa xôi hẻo lánh kém phát triển, không có đầu mối tập trung báo cáo, quản lý trong đó nhiều chương trình, dự án chỉ được quản lý bởi cấp chính quyền cơ sở. Rất nhiều chương trình, dự án đang hoạt động tài chính vi mô vẫn áp dụng kế toán theo phương thức thủ công. Điều này khiến cho việc điều tra, khảo sát và tổng hợp số liệu về hoạt động tài chính vi mô trên địa bàn cả nước vẫn là một thách thức lớn, gây khó khăn cho công tác hoạch định chính sách và quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với lĩnh vực tài chính vi mô.

Thứ năm, riêng với đối tượng khách hàng là phụ nữ nghèo, tài chính vi mô gặp một số khó khăn do đặc thù của nhóm khách hàng này. Do ảnh hưởng của

văn hóa truyền thống đặc biệt là trong nhóm người nghèo có trình độ thấp, tư tưởng gia trưởng của nam giới đã ăn sâu, phụ nữ không có quyền quyết định đối với tài sản trong gia đình. Do vậy, khách hàng phụ nữ nghèo thường không có tài sản thế chấp. Bên cạnh đó, phụ nữ nghèo cũng thường có trình độ thấp. Cũng do tư tưởng trọng nam khinh nữ, phụ nữ không được ưu tiên trong vấn đề giáo dục, đồng thời đối mặt với việc đảm nhận các công việc nội trợ và chăm sóc con cái trong gia đình, phụ nữ nghèo không có điều kiện học tập nâng cao nhận thức nên hiểu biết của họ còn hạn chế. Điều này cũng là một trở ngại cho họ trong việc tiếp cận với việc vay vốn và sử dụng vốn vay một cách hiệu quả.

4. Kết luận và đề xuất

Trong triển vọng phát triển ngành tài chính vi mô Việt Nam nói chung và đặc biệt hướng tới đối tượng phụ nữ nghèo nói chung có nhiều cơ hội đồng thời cũng đối mặt với nhiều thách thức to lớn. Để tận dụng được cơ hội và vượt qua những thách thức này, Nhà Nước và các tổ chức tài chính vi mô cần nỗ lực thực hiện theo các hướng sau:

4.1. Đối với Nhà nước

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý cho ngành tài chính vi mô, tiếp tục hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật cho ngành này theo hướng đảm bảo môi trường hoạt động bình đẳng cho các tổ chức tài chính vi mô. Tránh tình trạng các tổ chức tài chính vi mô chính thức và bán chính thức tuy cùng phục vụ cho một nhóm đối tượng khách hàng song hoạt động ở mỗi khu vực đang được điều chỉnh bởi các quy định pháp lý riêng biệt, chưa có sự thống nhất. Điều này tạo ra môi trường không bình đẳng cho các tổ chức hoạt động trong ngành.

Thứ hai, để góp phần phát triển các tổ chức tài chính vi mô, Nhà Nước cần có chính sách khuyến khích các tổ chức tài chính tín dụng đầu tư vào các tổ chức tài chính vi mô với vai trò cổ đông chiến lược. Hình thức khuyến khích có thể xem xét đến các chính sách về thuế thu nhập doanh nghiệp, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu... Khi các tổ chức tài chính tín dụng trở thành các cổ đông chiến lược của các tổ chức tài chính vi mô thì không những có thể góp phần giải quyết vấn đề nguồn vốn của tài chính vi mô mà các tổ chức tài chính tín dụng còn có thể giúp các tổ chức tài chính vi mô nâng cao tính chuyên nghiệp trong việc cung cấp các dịch vụ tài chính.

Thứ ba, Nhà nước cần có chính sách ưu đãi về lãi suất huy động vốn và lãi suất cho vay đối với các

tổ chức tài chính vi mô, cho phép cao hơn quy định tạo điều kiện cho các tổ chức tài chính vi mô có thể huy động được vốn, tạo nguồn vốn hoạt động ổn định. Mặt khác, lãi suất cho vay cao hơn các mức vay thông thường nhằm đảm bảo tính linh hoạt với từng đối tượng vay, đặc biệt là đảm bảo thu nhập đủ bù đắp chi phí. Trên cơ sở đó, các tổ chức tài chính vi mô mới có thể tồn tại lâu dài.

Thứ tư, riêng với đối tượng phụ nữ nghèo, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ đặc biệt thông qua đẩy mạnh vai trò của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trong vấn đề này. Với tư cách là tổ chức đại diện cho quyền và lợi ích của phụ nữ, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cần phát huy vai trò vừa là cầu nối giúp phụ nữ nghèo tiếp cận với các chương trình dự án tài chính vi mô vừa hỗ trợ phụ nữ sử dụng hiệu quả đồng vốn và các dịch vụ khác do tài chính vi mô mang lại. Trong các giải pháp hỗ trợ của Hội, bên cạnh các chính sách ưu tiên thì việc mở các lớp tập huấn, đào tạo giáo dục tài chính và kiến thức, kỹ năng kinh doanh sẽ giúp cho phụ nữ biết cách tính toán, lên kế hoạch cụ thể để bắt đầu hoặc mở rộng hoạt động kinh doanh, sử dụng tốt cơ hội được cung cấp từ tài chính vi mô.

4.2. Đối với các tổ chức tài chính vi mô

Thứ nhất, các tổ chức tài chính vi mô cần nâng cao năng lực hoạt động, nâng cao tính chuyên nghiệp trong việc cung cấp các dịch vụ tài chính, nâng cao khả năng quản trị rủi ro trên cơ sở cần có hệ thống báo cáo đầy đủ, đáp ứng các yêu cầu kế toán, quản trị và phải tuân thủ triệt để các tiêu chí an toàn hoạt động. Điều này cần được tiến hành trên

cơ sở lực lượng cán bộ khung của tổ chức tài chính vi mô phải có trình độ chuyên nghiệp. Từ đó, các tổ chức tài chính vi mô mới có thể hoạt động bền vững và phát triển. Ngoài ra, các nhân sự còn lại có thể làm việc bán thời gian theo chế độ hưởng hoa hồng nhằm làm gọn nhẹ bộ máy hoạt động và tiết kiệm chi phí cho tổ chức tài chính vi mô. Các nhân sự này có thể là thành viên các đoàn thể ở phường, xã hoặc nhân viên khuyến nông, bảo hiểm... Tuy nhiên, họ cần được đào tạo các kiến thức cơ bản về hoạt động tài chính vi mô.

Thứ hai, các tổ chức tài chính vi mô cần đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ. Đối với dịch vụ cho vay cần phát triển các sản phẩm phù hợp cho vay nhỏ lẻ như cho vay trả góp, lưu vụ với mức lãi suất có tích lũy. Đối với các dịch vụ thanh toán, bảo hiểm, chuyên tiền... cần phát triển theo nhu cầu và năng lực của tổ chức tài chính vi mô. Trong tương lai phát triển các sản phẩm tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro và tăng hiệu quả hoạt động.

Thứ ba, riêng đối với đối tượng phụ nữ nghèo, các tổ chức tài chính vi mô cần thiết kế các sản phẩm dịch vụ phù hợp, đáp ứng nhu cầu, mục tiêu riêng của nhóm khách hàng này. Vấn đề này có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo phụ nữ có thể hưởng lợi từ việc tiếp cận tài chính vi mô. Để làm được điều này các tổ chức tài chính vi mô cần hiểu rõ nhu cầu khác biệt của nhóm khách hàng phụ nữ thông qua việc khảo sát, điều tra và nghiên cứu kỹ ý kiến phản hồi của khách hàng nữ đồng thời thiết kế hệ thống phân phối cho phép phụ nữ có thể tiếp cận các sản phẩm dịch vụ tài chính vi mô với chi phí hợp lý.

Tài liệu tham khảo

- Chính phủ (2005), *Nghị định số 28/2005/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ tại Việt Nam*, ban hành ngày 09 tháng 03 năm 2005.
- Đại sứ quán Pháp (2018), *Hỗ trợ phát triển khung pháp lý tài chính vi mô tại Việt Nam*, Hà Nội.
- Đặng Thu Thủy (2018), ‘Thực trạng hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô chính thức tại Việt Nam’, *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Tài chính vi mô hỗ trợ phụ nữ giảm nghèo tại Việt Nam”*, Nhà xuất bản Lao Động, Hà Nội, 252-255.
- Lienvietpostbank (2018), *Hướng đi tiếp theo của tài chính vi mô tại Việt Nam*, Hà Nội.
- Nam Khánh (2018), ‘Phát triển mạng lưới tài chính vi mô để hỗ trợ phụ nữ xóa đói giảm nghèo’, *Tạp chí Lao động và Xã hội online*, truy cập lần cuối ngày 3 tháng 3 năm 2020, từ <<http://laodongxahoi.net/phat-trien-mang-luoi-tai-chinh-vi-mo-de-ho-tro-phu-nu-xoa-doi-giam-ngheo-1309278.html>>.
- ADB (2014), *Vietnam Financial sector assessment, strategy and road map*, Hanoi.
- ADB (2018), *Bảng dữ liệu dự án*, truy cập lần cuối ngày 5 tháng 6 năm 2019, từ <<https://www.adb.org/sites/default/files/project-document/75850/42235-013-vie-pds-vi.pdf>>.
- Ngân hàng Nhà nước (2008), *Thông tư 02/2008/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện nghị định số 28/2005/NĐ-CP về tổ*

- chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô*, ban hành ngày 02 tháng 04 năm 2008.
- Ngân hàng Nhà nước (2018), *Thông tư 03/2018/ TT-NHNN quy định về cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô*, ban hành ngày 23 tháng 02 năm 2018.
- Nguyễn Kim Anh (2018), ‘Vai trò của tài chính vi mô trong việc nâng cao vị thế người phụ nữ’, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “*Tài chính vi mô hỗ trợ phụ nữ giảm nghèo tại Việt Nam*”, Nhà xuất bản Lao Động, Hà Nội, 1-2.
- Nguyễn Thị Hồng Miên (2018), ‘Hoạt động tài chính vi mô hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững ở Việt Nam’, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “*Tài chính vi mô hỗ trợ phụ nữ giảm nghèo tại Việt Nam*”, Nhà xuất bản Lao Động, Hà Nội, 242-243
- Phan Thị Hồng Thảo (2019), ‘Hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô chính thức tại Việt Nam’, *Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ điện tử*, truy cập lần cuối ngày 7 tháng 1 năm 2020, từ <<http://thitruongtaichinhhtiente.vn/hoat-dong-cua-cac-to-chuc-tai-chinh-vi-mo-chinh-thuc-tai-viet-nam-23160.html>>.
- Quốc hội (2010), *Luật số 47/2010/QH12, Luật các tổ chức tín dụng*, ban hành ngày 16 tháng 6 năm 2010.
- Thụy Lê (2018), ‘Sáng, tối bức tranh tài chính vi mô’, *Thời báo Kinh tế Sài Gòn online*, truy cập lần cuối ngày 3 tháng 6 năm 2019, từ <<http://www.thesaigontimes.vn/270374/Sang-toi-buc-tranh-tai-chinh-vi-mo.html>>.
- Thủ tướng Chính phủ (2011), Quyết định số 2195/QĐ-TTg phê duyệt đề án xây dựng và phát triển hệ thống tài chính vi mô tại Việt Nam đến năm 2020 ban hành ngày 06 tháng 12 năm 2011
- TYM (2018), *Kết quả*, truy cập lần cuối ngày 3/3/2020 từ <http://www.tymfund.org.vn/ket-qua/>
- Việt Phong & Phương Chi (2017), ‘Hơn 3,5 triệu phụ nữ vay vốn thoát nghèo’, *Báo Nhân dân điện tử*, truy cập lần cuối ngày 3 tháng 6 năm 2019, từ <<http://nhandan.com.vn/kinhte/chuyen-lam-an/item/32249802-hon-3-5-trieu-phu-nu-vay-von-thoat-ngheo.html>>.
- World Bank (2013), *Giảm nghèo ở Việt Nam: Tiến bộ ấn tượng, thách thức mới nổi*, Hà Nội.